

Nói chuyện với Duy Trác, những ngày tháng ở lại



HOUTSON, đầu thu 1992. Cuối tháng Tám vừa qua, ca sĩ Duy Trác tức luật sư Khuất Duy Trác, hay nhà báo Khuất Duy cùng gia đình từ Việt Nam tới Houston, Texas để đoàn tụ với gia đình một người con gái. Trong nhiều dịp đến thăm anh Duy Trác hiện ở nhà cô con gái tại vùng Tây Nam Houston, tôi đã có dịp nghe anh nói nhiều về những ngày ở lại Việt Nam sau tháng Tư 1975. Anh đã nói về cuộc đời ca hát của mình, một cái nghiệp chứ không phải nghề suốt hơn hai thập niên trong quá khứ và sẽ còn tiếp tục trong tương lai. Anh đã nói say sưa về những kỷ niệm cay đắng trong lao tù cộng sản, về hình ảnh bạn bè, anh em mọi giới cùng cảnh ngộ mất tự do dưới bàn tay sắt máu của Việt Cộng. Anh đã phân tích hệ thống tư pháp vô pháp luật của Việt Cộng qua vụ án "biệt kích văn hóa" mà anh là một nạn nhân cùng với những nhà văn, nhà báo nổi danh khác của miền Nam. Anh đã kể về cuộc sống hiện tại của anh em trong giới văn học, nghệ thuật còn kẹt lại. Và, anh cũng nói về vài dự định cho tương lai gần.

Nói chuyện với Duy Trác, thực ra, nói cho đúng, phải là ngồi nghe Duy Trác kể chuyện, chuyện mình, chuyện anh em, chuyện quãng ngày tháng ở lại...

NGHIỆP CA HÁT

Trọng Kim: Biết rằng nói về cái tôi là điều anh không thích nhưng cũng xin anh nói sơ qua ít hàng ... "cuộc đời sự nghiệp" của mình.

Duy Trác: Tôi sinh ngày 12-5-1936 tại Sơn Tây, một tỉnh nhỏ phía Bắc Hà Nội, nối tiếp đồng bằng Sông Hồng và miền Trung Du miền Bắc. Đây cũng là quê hương của Tần Đà, Quang Dũng...

Tôi mồ côi từ nhỏ, vào đời từ năm 12 tuổi. Tôi học bậc tiểu học tại Sơn Tây. Trong thời gian kháng chiến chống Pháp, tôi học bậc Trung học tại Việt Bắc (Phú Thọ), ở hai trường Trung học Hùng Vương (phổ thông) và Trung học Kháng Chiến (chuyên khoa). Hồi đó trường Trung học Kháng chiến có các giáo sư nổi tiếng trong lãnh vực văn học, sư phạm hay chính trị như: Song An Hoàng Ngọc Phách (hiệu trưởng), Trần Văn Khang, Đặng Quốc Quân, Nguyễn Ngọc Cư,

Nguyễn Thị Thục Viên, Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Như Công Tụm, vv... Đối với các giáo sư có tuổi, học sinh đều gọi là Ba, Me.

Năm 1951, tôi rời vùng kháng chiến về Hà Nội học tiếp Trung học tại đây. Tôi nhớ có theo học hai nhà thơ nổi tiếng là Đoàn Phú Tứ và Lan Sơn. Năm 1954 di cư vào Nam tôi học tại trường Chu Văn An và Đại học Luật khoa Saigon, Tốt nghiệp Luật và gia nhập Luật sư Đoàn năm 1960.

Năm 1962 tôi được lệnh gọi nhập ngũ, học trường Sĩ quan trừ bị Thủ Đức và giữ tư cách quân nhân cho tới tháng 4/1975. Tôi được bổ nhiệm làm phụ tá Ủy viên Chính phủ (Deputy Prosecutor) tại tòa án quân sự Mặt trận Vùng 3 cho tới năm 1966 thi giải ngũ trở về nghề Luật sư.

Sau trận Mậu Thân, tôi được Lệnh tái ngũ, biệt phái về làm chuyên viên Luật pháp tại Phủ Tổng thống. Năm 1974, tôi bị ông Thiệu cất chức và năm 1975 bị chính quyền bắt giữ cho tới ngày 27-4-1975 vì có những bất đồng quan điểm chính trị với chính quyền Nguyễn Văn Thiệu.

Trong thời gian bị ông Thiệu cách chức, tôi làm cố vấn Luật pháp cho Tổng cục Gia cư, chuyên viên Luật pháp tại Thượng nghị viện, Hạ nghị viện và Giám sát viện cho tới tháng 4-1975.

Trọng Kim: *Được biết anh đã hát trên đài Phát thanh Hà Nội từ lúc còn nhỏ. Vậy, lý do nào đã đưa anh vào cuộc đời ca nhạc sớm như vậy?*

Duy Trác: Tôi có giọng hát từ thuở nhỏ. Sau cách mạng tháng Tám, 1945 tôi thường được lên hát trong các buổi lễ ở tỉnh Sơn Tây, mỗi lần hát đều phải đứng trên ghế.

Tuy nhiên tôi theo nghiệp ca hát hoàn toàn tình cờ. Tôi học tại Hà Nội, và ở trọ tại nhà chú ruột là ca sĩ Quách Đàm. Hồi đó đài Phát thanh Hà Nội có tổ chức thi hát hàng năm. Năm 1952, Thanh Hiếu, Thanh Hằng chiếm giải nhất nhì. Năm 1953 Kim Tước giải nhất. Tới cuộc thi hát năm 1954, chú tôi, Quách Đàm dự tôi đi thi, tôi không chịu nhưng ông tự động ghi tên dự thi cho tôi. Rồi mỗi lần nhận được giấy gọi đi thi, tôi cũng đi thi và cuối cùng đoạt giải nhất trong kỳ chung kết tại nhà Hát Lớn Hà Nội.

Trọng Kim: *Ca sĩ Quách Đàm có phải là người sau này vào Nam ngâm thơ trên Tao Đàn?*

Duy Trác: Vâng. Ông chú tôi Quách Đàm là ca sĩ của Đài Phát thanh Hà Nội từ hồi 1948 cùng với các ca sĩ nổi danh thời đó như Ngọc Bảo, Minh Đỗ, Thu Hương... Sau 1954, ông vào Nam và nổi tiếng qua giọng ngâm thơ với Hồ Điệp, Hoàng Thư trong chương trình Tao Đàn của Thi sĩ Đinh Hùng.

Trọng Kim: *Thực sự, anh đã nổi tiếng và thính giả mến chuộng tiếng hát của anh trong thời gian ở trong Nam. Xin anh nhắc lại những kỷ niệm trong nghiệp ca hát của mình trong thời gian sau di cư cho tới ngày Cộng sản chiếm miền Nam hồi tháng 4-1975.*

Duy Trác: Di cư vào Nam tôi ở tại Khu Lều bạt dựng trên nền Khám lớn cũ ở đường Gia Long (sau này xây thành Thư viện Quốc gia) do chính quyền Ngô Đình Diệm dành cho các học sinh di cư không có gia đình.

Cuối năm 1954 hay đầu năm 1955, Tổng hội Sinh viên Hà Nội (di cư) tổ chức mấy đêm văn nghệ "Nhớ Về Hà Nội". Trong những đêm này, tôi hát bài *Hướng Về Hà Nội* của Hoàng Dương. Vì người hát và người nghe đều mang tâm sự u buồn của những người mất Hà Nội nên có sự đồng cảm sâu sắc và bài ca đã gây xúc động.

Một buổi sáng, nhạc sĩ Lê Thương đến Lều tìm tôi. Ông cho biết ông đã làm phóng sự thu thanh về mấy đêm văn nghệ đó cho đài Phát thanh Pháp A và ông thích giọng hát của tôi. Ông thay mặt đài Pháp A mời tôi hát cho đài này. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ những cảm giác run rẩy, lo lắng mỗi khi lên đài hát. Hồi đó ban nhạc chơi vivand (tức không thu thanh trước, mà phát thẳng lên làn sóng điện), ban nhạc toàn là người Pháp, hòa âm khó hơn nhiều so với đài Hà Nội, và nhạc trưởng Maritan thì rất khó tính. Mỗi lần vô trật các introduction hoặc hát sai thì lãnh đủ, không thuốc nào chữa được nữa và mỗi lần như thế nhạc trưởng chửi như tát nước. Cũng chính nhờ vậy mà một giọng hát tay mơ như tôi (không qua trường lớp hoặc học thầy nào), đã dần dần trưởng thành. Tôi nhớ có lần một nữ nghệ sĩ trong khi ngâm thơ đã ngâm luôn cả phần ghi chú của tác giả về thời gian, địa điểm làm bài thơ (Thí dụ Hoàng Hương Trang, Lập Xuân năm Kỷ Dậu) thì sĩ phụ trách chương trình vô đầu vô tai nói với tôi "*Nó giết moi rồi tóa a*". Và bài thơ đã được phát trực tiếp trên làn sóng điện.

Tôi có một kỷ niệm khó quên về đài Pháp A: Năm 1956, các văn nghệ sĩ Việt Nam, trong cao trào chống Pháp hồi đó, đã đồng lòng tẩy chay đài Pháp A. Hồi đó tôi đang bị đau nặng. Ông Hoàng Cao Tăng, giám đốc đài Pháp A đã đến thăm tôi, đề nghị giúp đỡ tiền bạc và đưa tôi vào nhà thương Grall, với yêu cầu tôi không tham gia cuộc tẩy chay. Tôi đã từ chối và cho đăng lời tuyên bố trên một tờ báo của nhà văn Vũ Khắc Khoan mà tôi quên tên.

Sau đó tôi được mời hát cho các đài Saigon và đài Phát thanh Quân Đội. Ngoài ra, Hồng Duyệt (sau này là anh vợ tôi) Đỗ Đình Tuân (hiện ở Cali) và tôi còn phụ trách chương trình phát thanh của sinh viên và phần ca nhạc cho chương trình phát thanh Phật Giáo. Sau gần 40 năm tôi gặp Thượng tọa Đức Nhuận ở trại giam Chí Hòa, ông còn nhớ tên bài hát mà tôi và Cung Thúc Tiến (nhạc sĩ Cung Tiến) Song ca vào hồi đó.

Vào những năm cuối thập niên 60, Nguyễn Đình Toàn và tôi phụ trách chương trình "nhạc" chủ đề vào mỗi đêm thứ sáu ở đài Saigon. Chương trình này khá thành công và theo sự thăm dò của cơ quan Juspa, đó là một chương trình phát thanh được nhiều người nghe nhất. Ngoài ca nhạc, tôi còn tham gia ban kịch truyền thanh, do Trần Lê Nguyên phụ trách, trong nhiều năm; hát nhạc phim cho hãng Alpha, và chuyển âm (Lồng tiếng) cho hai cuốn phim của Đặng Trần Thức (Hè Muộn) và Hà Thúc Cẩn (Đất Khô)

Trọng Kim: *Trong quãng đời hơn hai mươi năm với nghiệp ca hát, từ Bắc vào Nam, anh thích hát loại nhạc nào nhất, thích tác giả nào nhất và những bài ca nào anh thích nhất?*

Duy Trác: Đó là một trong những câu hỏi mà thỉnh giả và bạn bè thường đặt ra với tôi. Tôi thích loại nhạc trữ tình (kể cả tiền chiến hay loại nhạc viết sau này) vì nó phù hợp với giọng hát và lối hát của tôi. Các nhạc sĩ sáng tác mà tôi yêu thích có thể kể như Phạm Duy, Cung Tiến, Phạm Đình Chương, Vũ Thành, Trịnh Công Sơn, vv. Riêng đối với Trịnh Công Sơn tôi chỉ hát duy nhất một bài rất ít người hát là bài *Du Mục*. Khi đi cải tạo có nhiều anh em trêu tôi "*Tự nhiên ông*

dở chứng hát đúng giờ thiêng bài "đàn bò vào thành phố" (Lời của bài Du Mục) nên bây giờ anh em khổ lây vì ông đó."

Những bài hát tôi yêu thích có thể kể như: *Ngày đó chúng mình*, của Phạm Duy, *Hương Xưa* của Cung Tiến, *Thuở ban đầu* của Phạm Đình Chương *Tiếng chuông chiều thu* của Tô Vũ, *Áo lụa Hà Đông* của Ngô Thụy Miên, v.v... Có lẽ vì yêu thích nên tôi đã hát thành công hơn các bài khác và được thính giả mến mộ.

Trọng Kim: *Trong thời gian ở trong Nam, anh đã cộng tác với các đài phát thanh, các hãng đĩa, hãng thu băng và cả chuyển âm cho các phim trường nhưng tuyệt nhiên anh không xuất hiện trong các chương trình đại nhạc hội cũng như truyền hình. Có phải vậy mà anh em vẫn gọi đùa anh là người ca sĩ cầm cung?*

Duy Trác: Tại sao tôi không hát trên Ti-vi hay sân khấu, có những lý do sau đây:

- Tôi gặp nhiều khó khăn trong vấn đề học thuộc lời bài hát và gần như không thuộc lời một bản nào cả. Đó là trở ngại trong việc hát ở sân khấu và Tivi.

- Tôi cảm thấy thiếu tự tin và lúng túng khi hát trước đám đông hay phải đứng trước ống kính của Ti-vi, thậm chí ống kính của máy chụp hình nữa.

Có nhiều người phỏng đoán là vì tôi là Luật sư hay giữ một chức vụ gì trong chính quyền khiến tôi không có quyền hát ở Ti-vi hay sân khấu. Điều đó không đúng.

Vì những lý do trên mà tôi được nhà văn Duyên Anh đặt tên là "ca sĩ cầm cung."

Cho đến bây giờ, các thính giả cũng như bạn thân tôi vẫn coi tôi là một ca sĩ tài tử và ca hát là một nghiệp dư, một nghề tay trái. Nhưng chính cái nghề tay trái này đã đeo đuổi tôi suốt một đời, dài hơn bất cứ một "nghề tay phải" nào khác và giúp tôi rất nhiều trong thời gian học sinh, sinh viên vừa đi học vừa đi làm, và sau này khi tôi vừa lập gia đình thì phải nhập ngũ và ở trong quân đội suốt 13 năm trời.

Có một điều nữa cũng đáng ghi nhớ là trước kia mọi người biết đến tôi, và hiện nay ở Hoa kỳ còn nhớ đến tôi, yêu thương, đón tiếp, đùm bọc tôi không phải vì tôi là một luật sư Khuất Duy Trác, Thẩm phán Khuất Duy Trác, hay nhà báo Khuất Duy mà chỉ vì tôi là một ca sĩ với một cái tên giản dị hai chữ là Duy Trác. Tình cờ lạc vào khu vườn âm nhạc trong mấy chục năm trời, tôi đã được hưởng nhiều hoa thơm trái ngọt. Nhờ ca hát mà tôi đã có được những phút giây hạnh phúc. Nên một mai nếu có rời khu vườn này, lòng tôi sẽ tràn đầy thanh thản. Tôi sẽ nói lời cảm ơn. Cảm ơn âm nhạc, cảm ơn thính giả, cảm ơn cuộc đời.

TÙ ĐÀM CỘNG SẢN

Trọng Kim: *Hỏi 30-4-75, tại sao anh kẹt lại.*

Duy Trác: Tôi bị chính quyền Nguyễn Văn Thiệu bắt với tội danh "âm mưu lật đổ chính quyền" (?) và được chính quyền Trần Văn Hương trả tự do vào ngày 27-4-75. Ra đến bên ngoài, nhìn

thấy cả một thành phố đang xôn xao, hoang mang về vấn đề đi ở. Đúng ra tôi còn dịp tìm được phương tiện ra đi nhưng không may có đứa con út mới được 17 tháng, đang bị đau nặng. Ngày 28-4, Bác sĩ Nguyễn Thế Minh, bạn tôi hiện ở Canada, khuyên tôi nên cho cháu vào bệnh viện ngay vì loại bệnh của cháu có thể có những biến chứng không lường được. Nghĩ rằng cháu sẽ không chịu đựng nổi cuộc hành trình dài trên biển, tôi và gia đình quyết định ở lại và như thế, tôi bắt đầu bước vào một đoạn đời gian khổ.

Trọng Kim: *Được biết anh đã bị giam giữ nhiều năm trong các trại tù cải tạo, sáu năm trong đợt đầu và sau lại bị bắt tù thêm 4 năm qua vụ án "biệt kích văn nghệ". Anh không những quen biết nhiều trong giới sinh hoạt văn học, nghệ thuật, báo chí mà còn cả các nhân vật chính trị miền Nam trước đây, xin anh kể lại những ngày trong lao tù cộng sản sau 75, những kỷ niệm khó quên và nhất là những nhân vật mà anh đã gặp qua các trại tù này.*

Duy Trác: Ngày 14-6-75, tôi trình diện với tư cách sĩ quan biệt phái tại trường Tabert, sau khi đóng 10 ngày tiền ăn. Bây giờ nghĩ lại thấy cũng tức cười. Ai đời tình nguyện đóng tiền để đi tù. Tại đây tôi có gặp anh Lê Quang Uyên, Thống đốc Ngân hàng và Tiến sĩ Võ Thế Hào, giáo sư trường Bách Khoa Phú Thọ. Hai ngày sau, họ di chuyển chúng tôi vào ban đêm, bằng xe Molotova. Tôi cứ nghĩ họ sẽ đưa chúng tôi vào rừng, nhưng cuối cùng họ đưa chúng tôi đến căn cứ Trảng Lớn (Tây Ninh). Đây là căn cứ của Bộ Tư lệnh Tiền phương Sư đoàn 25. Trong những ngày đầu đã có nhiều vụ tự tử. Đặc biệt có trường hợp nhạc sĩ Minh Kỳ, đang ngồi ở trong trại thì có một trái lựu đạn ném vào bị tử thương. Cho đến bây giờ vẫn không rõ trái lựu đạn này do ai ném.

Ở trại Trảng Lớn, ngoài anh Võ Thế Hào, tôi còn gặp anh Đào Đức Kỳ, cựu giám đốc đài Truyền hình, Bác sĩ Bùi Duy Tâm, cựu Khoa trưởng Trường Y khoa Minh Đức.

Tôi có một kỷ niệm vui về Bác sĩ Tâm ở Trảng Lớn (trước 1975 tôi và Bác sĩ Tâm chỉ biết nhau và chưa gặp). Ông Tâm nói là sau 1975 "mấy anh lớn" như Huy Cận, Xuân Diệu thường đến nhà ông nằm máy lạnh, uống rượu Tây, nghe nhạc Vàng. Và đọc những bài thơ không dám phổ biến. Ông Tâm bảo tôi sau này được về, lại nhà ông để ông giới thiệu với "mấy anh lớn". Tôi cười và nói đồn với ông Tâm là tôi chỉ thấy tôi là lớn thôi và không thấy ai đủ lớn để cần phải gặp. Tôi mong rằng ông Tâm không buồn tôi vì câu nói đồn này.

Trong thời kỳ đầu, có anh Ngô Nghĩa, thiếu úy, trốn trại và đã bị cộng sản xử bắn, pháp trường dựng tại phi trường Tây Ninh.

Khoảng tháng Mười 1975, Việt Cộng cho phép gửi thư về nhà và cho phép gia đình gửi quà vào dịp Noel mỗi gói quà không quá 700 gram. Có những anh em đã tự tử hoặc đã chết vì bệnh nhưng quà vẫn gửi lên chứng tỏ Việt Cộng đã không thông báo cái chết cho gia đình. Chúng tôi có chị bạn thân, chị Bích Huyền hiện làm báo ở Orange County. Được những người bạn cùng cải tạo với chồng chị ở ngoài Bắc cho biết anh đã chết ở trong trại. Chị lặn lội ra Bắc để hỏi về cái chết của chồng. Bọn Việt Cộng nhất định chối về cái chết của anh. Cuối cùng sau khi làm đủ và nằm ăn vạ mấy ngày, chúng mới chịu chi mộ của anh. Chị thuê người đào lên và gói hài cốt của anh vào một bao nylon, mang về Saigon hỏa thiêu. Tôi chợt nghĩ đến Bà mẹ Gio Linh của Phạm Duy. Ôi những bà mẹ, những người vợ Việt Nam!

Vào đợt viết thư và gửi quà này, có nhiều chuyện cười ra nước mắt. Bị ăn uống kham khổ trong mấy tháng, ai cũng chờ đợi một ít đồ ăn bổ dưỡng của gia đình. Có chị sợ chồng phải đưa vào rừng lao động khô sai nên đã gửi lên cho chồng một đôi botte de saut. Vì Việt Cộng giới hạn mỗi gói là 700 gr nên trong hai đợt gửi quà, mỗi lần chị gửi một chiếc giày. Sau khi nhận được một chiếc botte de saut, và để chờ đợi nhận một chiếc nữa, chàng Trung úy đẹp trai rên hừ hừ "Em không ngờ con vợ em nó chơi "chua" em thế này. Con ác phụ!".

Viết thư về cho gia đình cũng phải đạt ba yêu cầu:

- Ca tụng chính sách khoan hồng của đảng.
- Xác định an tâm cải tạo.
- Động viên gia đình chấp hành đường lối chính sách của đảng.

Ngoài ra không được xin sỏ gì ở gia đình vì đảng và nhà nước đã lo đầy đủ (sic!)

Có một bức thư của một chàng Thiếu úy Phi Công viết về cho vợ, được Việt Cộng biểu dương là đã có ý chí phấn đấu cải tạo và tư tưởng tiên bộ. Bức thư thế này:

"Em yêu dấu,

... Trước kia anh thường thích ăn thịt kho hay chà bông và uống cà phê thì phải có đường trắng. Nhưng vào đây, được đảng giáo dục tự nhiên anh chỉ thích ăn muối mè, cá khô và đường cục, mà anh thấy hương vị đậm đà tình dân tộc, và nhờ đó anh mới nhìn thấy giá trị lao động của giai cấp công nông. Bây giờ anh chỉ thích đọc sách. Em hãy gửi cho anh sách, và chỉ sách mà thôi..."

Tái bút: Tuy nhiên sách thì còn có người cho mượn chứ lạp xưởng thì không ai cho mượn cả.

Sau khi nhận được thư của người chồng tiên bộ, "Em yêu dấu" bèn gửi lên toàn là chà bông, thịt kho, đường trắng và lạp xưởng.

Ngày 24 Tết (năm 1975) một số người trong đó có tôi được Việt cộng thông báo là "vi học tập cải tạo" tốt nên được trao trả về ban quân quản Saigon. Mọi người hò hét vang trời, tin chắc là được thả. Còn bao nhiêu tiền bạc, đồ ăn, quần áo đều để lại cho các anh em ở lại. Hồi đó đến 95% anh em đều tin thời gian cải tạo là 15 ngày (cấp tá trở lên) và 10 ngày (cấp úy). Riêng tôi khi nghe kêu tên, tôi vội vã đi xin một cái gầu múc nước và một cuộn giấy vì chỉ nhìn vào thành phần có tên toàn là ngành an ninh tình báo và biệt phái, tôi biết rằng cuộc phiêu lưu gian khổ bắt đầu.

Sau 30-4-75 sau khi đã đọc Lenine và những biện pháp áp dụng sau một cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, tôi đã chuẩn bị khá kỹ khi đi trình diện. Tôi mang theo nhiều quần áo ấm, hơn 1000 viên thuốc như trụ sinh, thuốc sốt rét, thuốc kiết lỵ, tiêu chảy, thuốc phù thũng và thuốc ghẻ cùng hơn 10 cây xà bông. Sự chuẩn bị của tôi không thừa vì chỉ đến Trảng Lớn độ hai tháng đã có nhiều anh em bị bại liệt nên chúng tôi gọi là "chân không người lái". Có người bị biến chứng vào tim đã bị chết.

Khi tôi đi trình diện, mẹ tôi nghĩ rằng 10 ngày thì tôi về. Tôi nói với vợ tôi là từ 6 tháng đến 1 năm cho vợ tôi yên tâm. Nhưng trong thâm tâm tôi nghĩ rằng thời hạn mất tự do là 5 năm. Vào đến trại, tôi mới biết rằng tôi lạc quan tếu, khi nghe lời tuyên bố sất máu của ông Trường Chinh: "Sau năm 1954, chúng ta đã không có một chính sách cải tạo đúng mức khiến cuộc chiến tranh đáng lẽ đã kết thúc sớm hơn thay vì phải đợi đến năm 1975". Đọc báo thấy tướng Lư Hán ở Trung Quốc bị cải tạo 26 năm và qua tin tức được biết ở ngoài Bắc có một số người đi cải tạo từ năm 1954 mà đến năm 1975 vẫn chưa được thả, tôi mới biết rằng tôi chưa biết gì về cộng sản cả.

Chúng tôi đến Newport, thấy bên cảng sáng rực với mấy chục ngọn đèn pha, hàng trăm binh sĩ được trang bị đến tận răng với lưỡi lê tuốt trần, và mấy chục con chó Berger quân khuyến dãn ở hai bên lối đi. Lần đầu tiên nhìn thấy một cái tàu há mồm, tôi không ngờ nó có một vẻ khủng khiếp đến như thế: cái miệng toác hoác đen sì như là cửa địa ngục. Hai ngàn người được nhét vào hầm tàu của chiếc dương vận hạm H.Q. 501. Khởi đầu một chuyến đi địa ngục. Hai ngàn người chen chúc, ngồi bó gối không chỗ nhúc nhích, đại và tiểu tiện tại chỗ. Sang ngày thứ hai, cứt đá, đồ nôn mửa (do say sóng) và nước biển đã trộn lẫn thành một thứ nước dơ bẩn, hôi thối ngập đến mắt cá chân. Sang ngày thứ ba, đang lệnh dênh trên biển tự nhiên tàu tắt máy. Các quạt gió dưới hầm tàu đều ngưng lại. Bị ngạt thở nên hàng trăm người ngất xỉu. Lúc đó chúng tôi đều nghĩ là bọn Việt Cộng sắp sửa thủ tiêu chúng tôi. Số người ngạt thở, ngất xỉu càng nhiều. Chúng tôi âm thầm chờ đợi một luồng hơi ngạt hay những trái lựu đạn ném vào hầm tàu. May mắn điều đó không xảy ra, và sáng ngày 27 Tết chúng tôi đến Phú Quốc và được nhốt vào các trại trước kia giam giữ tù binh Cộng sản.

Tôi ở Phú Quốc được hai tháng thì bọn Khmer đỏ đánh đảo Thổ Châu. Việt cộng lo sợ vấn đề an ninh, nên mấy tháng sau (1976) chúng tôi lại được đưa về đất liền, giam ở căn cứ Black Horse của Trung đoàn 48 cũ ở Long Giao (Long Khánh). Cùng bị giam giữ ở khu vực này có Dương Hùng Cường, Đỗ Tiến Đức, Đào Đức Kỳ, Dương Phục, Võ Thế Hào. Dương Phục trốn trại tại Long Giao và sau đó sang được Hoa Kỳ.

Sang giữa năm 1977, các sĩ quan quân đội thuần túy được đưa lên Phước Long. Các sĩ quan và hạ sĩ quan cảnh sát cùng với sĩ quan biệt phái chúng tôi được chuyển giao sang Công an. Trước khi lên đường, bọn cán bộ Quân đội nói nhỏ với chúng tôi "Ở với bọn tôi còn đỡ chứ sang với bọn "bò vàng" (công an) đòi các anh coi như tiêu". Lời cảnh cáo khá đúng, vì ở trại Z 30D (Hàm Tân - Phan Thiết) chúng tôi gặp một bọn cai tù chuyên nghiệp với cách quản lý thiếu hẳn nhân tính.

Trại Z 30D khá lớn. Chúng tôi ở trại A gồm khoảng 1700 người, trại B hơn 1000 và trước khi tôi di chuyển đi trại A 20 (Phú Khánh), trại C đang được xây cất. Ở trại này, tôi gặp khá nhiều nhân vật tên tuổi của chế độ cũ: các nghị sĩ La Thành Nghệ, Phan Văn Hạo, Trịnh Quang Quỹ, các Dân biểu Trần Ngọc Châu, Lâm Văn Ca, Tổng trưởng Sắc tộc Paul Nur, nguyên cục trưởng Trung ương Tình báo Trương Kim Cang, nguyên giám đốc cảnh sát Đô thành Trần Văn Tư, Viện trưởng Viện Hóa Đạo (Việt Nam Quốc Tự) Thượng tọa Kim Sang, cụ Nguyễn Văn Hường (thân phụ tướng Nguyễn Văn Hiếu), Tổng thư ký Liên Minh Á châu Chống Cộng, cụ Vũ Huy Chân 83 tuổi (hồi đó) đồng chí của lãnh tụ Nguyễn Thái Học, cụ Lê Văn Thụ, Chánh nhất Tòa Phá án, Lê Quang Uyển, Thông đốc Ngân hàng, Linh mục Công phó viện trưởng Đại học Minh Đức.

Trại Z 30D còn giam giữ hơn 100 nữ, đại đa số là các nữ sinh viên phục quốc. Trong số phạm nhân nữ có các dân biểu Nguyễn Thị Lý, Trần Thị Hoa tự Phần (vợ lớn của ông Ba Cụt), nữ chánh án Nguyễn Thị Vệ, Giám đốc Báo chí phủ Tổng thống Cao Thị Liễu, các Đại tá Hương, Đại tá Vệ cùng một số sĩ quan nữ quân nhân, Thiếu tá Thủy đoàn trưởng đoàn nữ tình báo Thiên Nga, cùng một số nữ sĩ quan cảnh sát. Khoảng cuối năm 1977, các ông La Thành Nghệ, Trần Ngọc Châu và Trần Văn Tư được chia đi nơi khác. Sau tôi nghe nói các ông Nghệ, Châu được thả rất sớm.

Trong thời gian ở trại Z 30D, chúng tôi có một kỷ niệm không bao giờ quên: một cuộc nổi loạn không đổ máu vào sáng 1 Tết (năm 1978). Theo chương trình của Trại giam, sáng 1 Tết, sau khi bọn cán bộ quân quản vào chúc Tết, chúng tôi chỉ được ra sân coi một trận đấu bóng chuyền là lại bị nhốt vào phòng. Chúng tôi quyết định tự tổ chức một cái Tết thật vui và thật có ý nghĩa, nói lên tinh thần bất khuất của anh em. Chiều 29 Tết, chúng tôi tổ chức một chiến dịch đánh "antenne" trong toàn trại (danh từ này chỉ một số nhỏ anh em vì sợ hãi, ngu dốt hay mất phẩm chất chịu làm tay sai cho bọn cai tù, báo cáo các hoạt động hoặc lời nói của anh em).

Đêm 30 Tết chúng tôi ra chỉ tiêu cho mỗi phòng giam phải bắt 20 con chuột (toàn trại có 15 phòng giam). Thế là anh em chúng tôi thức trắng đêm để rình bắt chuột.

Sáng 1 Tết, cha Công làm lễ cầu an cho các anh em ngay ở sân trại. Trong khi đó, mấy người trong ban tổ chức lên chúc Tết ban chỉ huy trại mang theo mấy trăm con chuột được sâu vào dây kềm gai, máu chảy ròng ròng được coi là quà Tết. Tất cả anh em chúng tôi tràn hết cả ra sân. Một ban hợp ca khoảng 20 người hát những bản nhạc "chính huấn", những bài ca chống Cộng trước năm 1975, thường được hát trong chương trình "Chính huấn" phát hình trên TV. Tôi không còn nhớ tên những bản hát này, nhưng tôi nhớ lời trong một bản nhạc như sau: "*Giặc từ Bắc vô đây, bàn tay nhuộm máu anh em.*" Hơn 1000 anh em đứng ở chung quanh, người thuộc lời thì hát theo, không thuộc thì vỗ tay theo nhạc. Sau gần 3 năm Cộng sản chiếm miền Nam, đây là lần đầu tiên chúng tôi công khai hát, hát thật to, hát những bài ca chống Cộng trước mũi súng của kẻ thù (Bọn cai tù đã bao vây trại và súng đều chia vào trong. Đến gần trưa chúng tăng cường cả xe tăng).

Và giữa 1700 anh em, gầy ốm và quần áo xác xơ và dưới ánh nắng dịu của ngày đầu Xuân, người ca sĩ "cắm cung" Duy Trác lần đầu tiên hát trước thính giả đông như thế mà không cần Mico. Tôi đã hát với anh em và tôi hát cho anh em bằng tình chiến hữu ngọt ngào và bằng trái tim rừng rục căm thù. Nước mắt anh em và nước mắt tôi chảy dài theo bài hát, những giọt nước mắt hòa trộn tình yêu và nỗi căm hờn. Tôi đã hát bài *Ly Rượu Mừng* của Phạm Đình Chương và bài *Saigon chỉ vui khi các anh về* mà tôi mới viết trong nhà tù mấy ngày trước.

Tôi vẫn ấp ủ một dự định là nếu có một ngày nào sang được Mỹ, tôi sẽ gặp và kể cho anh Phạm Đình Chương về các kỷ niệm này, về bài hát của anh, bài hát đã gắn liền với cái Tết của mọi gia đình, bài hát ấy đã được chúng tôi hát lên từ giữa lòng địa ngục, trước xe tăng và súng ống của bạo lực. Tôi cũng sẽ cảm ơn anh về những dòng nhạc ngọt ngào, đầy lòng nhân ái của anh đã sưởi ấm chúng tôi, rót vào lòng chúng tôi biết bao kỷ niệm và sức sống. Không may là anh Phạm Đình Chương đã từ trần trước khi tôi đến được nước Mỹ.



Trong thời gian ở Việt Nam, Duy Trác đã sáng tác được hơn 40 bài ca đủ loại và anh dự định sẽ thực hiện một cuộn băng đặc biệt gồm một số những bài trên để đánh dấu những ngày còn ở lại. Hình trên, Duy Trác, Houston tháng 10-1992 (Ảnh TR3/Ngày Nay)

Về bài *Saigon chỉ vui khi các anh về* tôi cũng có những kỷ niệm khó quên. Một hôm, chúng tôi phải đi đắp một con đường từ quốc lộ I đi vào trại Z 30D. Đang lao động, chúng tôi thấy một thiếu nữ khoảng trên dưới 20 tuổi, đeo ba lô và xách rổ đi vào về phía trại giam. Chúng tôi hỏi thăm thì cô cho biết là đi thăm bố và anh. Gặp các thân nhân đi thăm nuôi, chúng tôi thường tìm cách hỏi dò tin tức. Nhưng vì vương tên công an đứng gần đó, nên chúng tôi chỉ hỏi "*Saigon có gì vui không?*" thì cô nhỏ trả lời "*Saigon chỉ vui khi các anh về*". Xúc động vì câu trả lời, xúc động vì tấm lòng của cô gái, của người Saigon tôi đã viết bản nhạc này mặc dù khả năng sáng tác nhạc thật giới hạn.

Hôm đó, ngoài tiết mục ca hát, chúng tôi còn tổ chức các trò chơi như nhẩy "nổi vòng tay lớn", đấu bò rừng, và nhiều trò chơi khác nữa.

Hôm đó chúng tôi hoàn toàn làm chủ nội vi trại giam và chỉ trở về phòng sau khi đã vui chơi thoải mái trong 8 tiếng đồng hồ.

Sau vụ này, tôi bị còng chân hàng năm trời và bị Bộ Nội Vụ xuống điều tra. Tôi được viên thiếu tá Công an cho biết "chúng tôi sẽ áp dụng phương án II, đưa anh đến một nơi mà anh không bao giờ còn gặp mặt vợ con nữa." Vào đầu tháng Chín năm 1979, nửa đêm tôi bị đưa lên xe tới trại A 20 ở Xuân Phước - Phú Khánh. Đây là "Trại giam cải tạo cao cấp" dành cho những người có án từ 15 năm trở lên và những cải tạo viên chống đối tại các trại ở miền Nam. Tại trại này tôi gặp một số khuôn mặt có tên tuổi như các ông Võ Văn Hải, nguyên Chánh văn phòng của Tổng thống Diệm; Bác sĩ Nguyễn Tấn Chúc, Chủ tịch Pax Romana; Bùi Lượng, chủ tịch Tổng Công

đoàn Tự do; Lê Sáng, chương môn Vô Vi Nam; Huỳnh Thành Vị, cựu dân biểu; Huỳnh Cự, Trung tá Việt cộng Hội chánh; Luật sư Nguyễn Khắc Chính, (chồng dân biểu Phương Lan) vụ nhà thờ Vinh Sơn; Trần Quý Phong, cựu dân biểu; Lương Thiện, giáo sư đại học Vạn Hạnh. Ngoài ra còn có một số linh mục, mục sư, tu sĩ Phật giáo và mấy ông vua Tàu: vua điện ảnh Trương Vũ Nhiên, vua sắt Lý Sen và vua máy cày tôi quên mất tên.

Đây là một trại giam nổi tiếng của Việt cộng ở miền Miền Nam được xây cất sâu trong rừng một vùng Việt Cộng đã chiếm từ năm 1968. Trại nổi tiếng vì chính sách quản lý hà khắc, được coi như trại kiểu mẫu, năm nào cũng được thưởng Lãng hoa của Tôn Đức Thắng và cờ luân lưu của Phạm Văn Đồng. Ngoài thành phần cải tạo trại có hai đội có án tù chung thân và hai đội có án từ 15 đến 20 năm tù. Thức ăn duy nhất là Bã cá sau khi đã dùng làm nước mắm. Họ mua từng thùng lớn, dùng cho cả năm. Nhưng chỉ độ hai tháng là thùng này đầy ròi, đắng ngắt. Mỗi bữa nhà bếp xúc độ mấy thau đổ vào chảo nước sôi quậy lên. Sau khi lọc ròi sơ qua, họ phát cho chúng tôi mỗi người độ hai muổng. Lãnh xong chúng tôi phải lọc ròi lần nữa mới ăn được. Và chỉ một món duy nhất này chúng tôi ăn từ năm này sang năm khác. Cơm thì mỗi bữa được một chén đá (chén bán chè ở chợ) và độ 4, 5 miếng khoai mi khô luộc. Trại không chấp nhận cho nghỉ lao động vì bệnh. Khai bệnh, dù có bệnh thật cũng không được nghỉ và phải ăn cháo phạt (một chén cháo loãng toàn nước).

Thành phần chống đối, bướng bỉnh như trường hợp tôi thì được liệt vào loại "xấu" không được cho thăm nuôi (nhận quà và gặp gia đình), không được nhận quà gửi qua Bưu điện, khẩu phần ăn là 12 ký thay vì 15 ký. Hồi mới tới trại này, tôi và một vài anh em được tên trại trưởng yêu cầu đứng lên cho hắn coi mặt. Sau đó hắn gặp chúng tôi cho biết là ra đến trại của hắn thì một gông dùng hòng về. Thực ra hắn không có quyền cho tôi về sớm hay muộn nhưng hắn có quyền hành hạ như kẻ trên và cho còng chân, cho ăn đói, chịu khát và lạnh.

Vì bị hành hạ, cho ăn uống thiếu thốn và khổ như trên, 1/4 số trại viên đã bị lao, phải tập trung vào một nhà. Tôi nghĩ rằng nếu có phương tiện khám nghiệm hiện đại hơn thì số trại viên bị lao có thể tới 3/4, tôi còn nhớ năm 1975 hồi mới tới Trảng Lớn, tôi bị gãy hai xương sườn. Tên y tá đến khám cho tôi và cho tôi một toa thuốc miệng "Đúng rồi anh bị gãy xương. Bây giờ chủ yếu anh bôi dầu cù là, cơ bản anh chườm nước nóng." Nhờ ơn trên, tôi theo toa thuốc này mấy tháng xương cũng lành. Năm 1979 ở trại Z 30D, tôi bị gãy hai xương sườn bên kia. Tôi lại theo toa cũ, chữa bằng "chủ yếu" và "cơ bản" và xương cũng lành.

Ở trại A 20, tôi có một kỷ niệm vui. Nhiều lần tôi được anh em ghi tên vào ban văn nghệ nhưng tôi từ chối. Vào ban văn nghệ, so với các anh em khác có thể coi là được hưởng nhiều ưu đãi. Mỗi ngày hát hồng khoảng độ hai tiếng, còn dư thì giờ thì đọc sách hay kiếm rau củ nấu canh hoặc nấu nướng đồ ăn cho nóng. Trái lại ở các đội khác anh em phải dầm mưa dãi nắng, cày cuốc suốt 8 tiếng. Nhiều người đã phải chạy tiền để vào ban văn nghệ. Một hôm, một tên cán bộ gọi tôi lên, y cho tôi biết là tôi đã bị gia tăng thời gian cải tạo thêm ba năm. Nghĩ rằng sự kiện này đủ để dẫn mặt, y đề nghị tôi vào ban văn nghệ. Tôi từ chối với lý do là tôi đã già yếu và lòng không vui, không muốn vào ban văn nghệ. Y đe dọa là nếu tôi không vào ban văn nghệ, y sẽ cho còng chân tôi. Tôi cười và y đã cho còng chân tôi hai ngày. Có lẽ thấy làm như vậy hơi kỳ cục nên y thả tôi và tuyên bố là y chỉ định tôi vào ban văn nghệ. Tôi trả lời là nếu chỉ định thì tôi vào còn đề nghị hay hỏi ý kiến thì tôi từ chối.

Vào ban văn nghệ được mấy ngày, bọn an ninh gọi tôi lên hỏi tại sao vào ban văn nghệ mà không thấy tôi cười. Tôi trả lời là tôi đã báo trước trong lòng tôi không vui, làm sao tôi cười được. Và lại không có bản văn luật pháp nào bắt tôi phải cười cả. Một hôm một tên cán bộ phụ trách văn nghệ chỉ định tôi hát bài *Bên lăng bác*. Tôi từ chối, viện cớ rằng bài này không hợp với giọng hát của tôi và tôi không thể học thuộc lời. Ra sân khấu tôi hát sai hay nhầm lời thì ai chịu trách nhiệm. Chán quá, mấy ngày sau, bọn cán bộ tập họp toàn trại, tuyên bố tôi hát sai giọng, sai nhịp nên trại đưa tôi ra khỏi ban văn nghệ. Từ đó anh em điều tôi là ca sĩ "hát sai nhịp, sai điệu", một cái tên sau tên "ca sĩ cảm cung".

Một số anh em đã chết ở trong trại này vì bị đối xử khắc nghiệt và bệnh hoạn như ông Võ Văn Hải, Bùi Lương, Lê Sáng, Lương Thiện, Quách Văn Trung (trước là luật sư sau gia nhập ngành cảnh sát với cấp bậc Trung tá). Anh Trung là cháu ruột ông Nguyễn Hữu Thọ. Anh đi cải tạo độ mấy tháng thì được tha về do sự can thiệp của ông Thọ. Năm 1977 anh bị gom lại và chết trong trại. Tôi được trả tự do năm 1981.

VỤ ÁN BIỆT KÍCH VĂN HÓA

Trọng Kim: Vào cuối năm 1986, vụ án Cộng sản Việt Nam xử một số văn nghệ sĩ và giới cầm viết nổi tiếng của miền Nam trước đây như Doãn Quốc Sỹ, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy, Hiếu Chân, Lý Thụy Ý... đã gây sôi nổi trong giới cầm viết ở hải ngoại. Anh em ngoài này ngạc nhiên thấy có cả anh đình vào vụ này. Việt Cộng cũng làm âm ỹ vụ trên và gọi các anh là "những tên biệt kích cầm bút". Thực sự, dư luận hải ngoại lúc đó cũng không nắm vững những chuyện bên trong của vụ án này. Câu chuyện thực sự vụ án trên ra sao?

Duy Trác: Từ năm 1982, cụ Vũ Bằng, các anh Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, Hiếu Chân, Trần Ngọc Tụ, chị Lý Thụy Ý và tôi đã có những liên lạc với Hội văn Bút Việt Nam tại Hải ngoại và gửi tác phẩm ra phổ biến ở nước ngoài. Hai bản nhạc của tôi *Lời nguyện trong tù* và *Saigon chi vui khi các anh về* được in ở Paris và Khánh Ly thu thanh ở Mỹ.

Hồi đó, tôi mở một quán cà phê, mặc dù quán chỉ sống được 21 ngày thì được lệnh đóng cửa, nhưng các văn nghệ sĩ đến khá đông như các cụ Tam Lang Vũ Đình Chí, cụ Vũ Bằng, chị Nhã Ca, vợ chồng Lý Thụy Ý, các anh Nguyễn Đình Toàn, Dương Hùng Cường, Hoàng Hải Thủy v.v...

Mùa Xuân 1982, tôi làm một bữa cơm tại căn nhà cũ của Kiêu Chinh ở Lữ Gia, mời một số văn nghệ sĩ như Vũ Bằng, Hiếu Chân, Doãn Quốc Sỹ, Tạ Tỵ, Nhã Ca, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, Trần Ngọc Tụ (viết cho tờ Lý Tưởng của Không quân) và ca sĩ Anh Ngọc. Đây chỉ là một bữa cơm thường, ngồi nói chuyện vui thôi, nhưng sau này lúc tôi bị bắt bọn Công an đã chụp cho tôi cái tội tập họp văn nghệ để bàn vấn đề chống đối.

Sau đêm 1-5-84, các anh Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, Trần Ngọc Tụ và tôi bị Công an thành phố bắt và khám nhà. Sau đó tất cả được đưa về giam ở trại giam số 4 đường Phan Đăng Lưu (trước kia là Trung tâm Thẩm vấn Tù binh Cộng sản) ở trước chợ Bà Chiểu. Tội danh là gián điệp và tuyên truyền phản cách mạng. Chúng tôi bị hỏi cung suốt ngày đêm và biệt giam trong tám tháng. Anh Doãn Quốc Sỹ bị biệt giam đúng một năm. Phòng giam của tôi và phòng giam của các anh Thủy và Cường đều có gắn máy vi âm (do sự báo động của

mấy anh bị giam ở phòng tập thể đối diện). Đến tháng 7/84 anh Hiếu Chân và vợ chồng Lý Thụy Ý bị bắt, cũng giam ở trại này. Cụ Vũ Bằng chết trước khi xảy ra vụ bắt bớ hai tháng, nếu không cụ cũng sẽ bị bắt vì cụ viết và gửi bài ra nước ngoài nhiều nhất.

Về vụ án này, bọn Việt cộng đã sửa soạn rất kỹ lưỡng. Trước khi chúng tôi bị bắt, báo Quân đội Nhân dân đã đăng liên tiếp mấy bài tố cáo văn nghệ sĩ cũ được các tổ chức quốc tế gửi quà để nuôi trong mục đích chống phá. Sau khi chúng tôi bị bắt và đang ở giai đoạn hỏi cung, tờ báo Công An của Thành phố Hồ Chí Minh ra liên tục nhiều số tố cáo chúng tôi liên lạc và nhận tiền của CIA, thực hiện cuộc chiến tranh nhiều mặt chống chính quyền cộng sản Việt Nam. Loạt bài này được đặt tên là *"Những tên biệt kích cầm bút"*. Một chiến dịch báo chí trong suốt ba năm trời làm ồn ào về vụ này. Sau khi báo Công An thành phố đăng xong sau mấy chục số, đến lượt tờ Văn Hóa và Dân Tộc của Bộ Văn Hóa đăng lại, và sau đó, đến lượt tờ Tin Tức của Thông Tấn Xã Việt Nam. Khi Tòa án đang đường định xử vụ án của bọn tôi vào ngày 30-10-1986 thì ngày 21-10-86 hai tờ báo Công an thành phố và tờ Tuổi Trẻ tham gia chiến dịch, bôi lọ chúng tôi và tạo áp lực với loạt bài lấy tên *Trận đánh không tiếng súng*. Đồng thời ở địa phương, dân chúng trong phường được học tập về vụ án này và vụ án được viết thành kịch diễn ở TV và đài phát thanh.

Một điều đáng lưu ý là loạt bài *"Những tên biệt kích cầm bút"* đã được xuất bản thành sách, từ năm 1985, trong khi Tòa đang thụ lý và chưa xét xử, với một nội dung hoàn toàn bịa đặt và bôi lọ chúng tôi. Ngày 30-10-86 khi Tòa đình xử và chờ xe về lại Chí Hòa, tôi có bảo một nữ phóng viên của tờ Công An về nói lại với hai vị Đại tá Công an (trong đó có Tổng Biên tập tờ Công An) rằng quyển sách này là một tác phẩm tội về phương diện văn chương nhưng là một siêu phẩm về sự bịa đặt.

Chúng tôi bị giam một năm ở trại giam Phan Đăng Lưu, ở đó tôi thấy có các ông Tuệ Sĩ, Thích Trí Siêu (Lê Mạnh Thác) và nhóm tu sĩ chùa Già Lam và viện đại học Vạn Hạnh, nhóm con của luật sư Trần Văn Tuyên, nhóm đảng viên Quốc dân đảng, nhóm mấy vị mục sư Tin Lành, v.v. và ký giả Hồ Văn Đồng, ông cựu Tổng trưởng Thông Tin của nội các Trần Văn Hương tên An (tôi quen mất họ), v.v...

Có một điều kỳ lạ nhất mà đến giờ tôi vẫn không hiểu là trong vụ tôi họ chụp hình quá nhiều. Lúc đọc lệnh bắt cũng chụp, lúc đọc lệnh khám nhà cũng chụp, đến cửa phòng giam cũng chụp. Mỗi lần hỏi cung cũng chụp. Và sau khi chấm dứt điều tra, cứ khoảng 3 tháng một lần, họ lại lôi từng người ra khỏi phòng giam chụp hình. Tôi nói đùa "Chắc các anh chụp hình tôi để đăng báo Xuân". Anh chàng công an cúi kính trả lời "Hình anh mà cũng đòi đăng báo Xuân". Tôi không biết họ dùng hình làm gì mà chụp nhiều thế, nhưng tôi biết chắc một điều là hình chúng tôi có trưng bày ở phòng Triển lãm "tội ác Mỹ Ngụy" (Sau này do nhu cầu bang giao với Mỹ, họ đã đổi tên thành phòng trưng bày "Tội ác chiến tranh". Hình ảnh của chúng tôi ở đây, dưới ống kính của cơ quan an ninh Việt cộng chắc chắn là không được đẹp trai lắm.

Tháng 5-1985 chúng tôi được sang trại giam Chí Hòa để chờ ngày ra Tòa. Tại đây, ngoài các nhóm ở Phan Đăng Lưu cũng được đưa sang, tôi còn gặp một số nhân vật nổi tiếng của chế độ cũ như: Quốc vụ khanh Nguyễn Tiến Hỷ, từng tham gia nhóm Caravelle dưới thời đệ I Cộng Hòa, nghị sĩ Thái Lăng Nghiêm, Luật sư Vũ Ngọc Truy, Tổng thư ký Liên Minh Á Châu Chống Cộng; Bác sĩ Nguyễn Đan Quế (hiện đang thụ hình 20 năm về hoạt động nhân quyền ở Việt

Nam), Tổng trưởng Canh nông Võ Long Triều, Giáo sư Đoàn Viết Hoạt (sắp bị Việt Cộng đưa ra xét xử về hoạt động đòi dân chủ và nhân quyền), ký giả Như Phong Lê Văn Tiên, ông Vũ Văn Mão, Đại Việt, v.v... Các vị này ở phòng giam ngay cạnh bể nước mà chúng tôi mỗi tuần xuống tắm nên tôi có điều kiện nói chuyện hoặc hỏi thăm. Các vị này chịu một chế độ giam giữ đặc biệt nên mỗi năm chỉ được gặp gia đình một lần. Năm 1985, Thượng tọa Đức Nhuận bị bắt và bị giam ở Chí Hòa cùng vụ với các ông Tuệ Sĩ, Trí Siêu.

Ông Tuệ Sĩ có một thái độ chống đối quyết liệt, không khoan nhượng. Mỗi lần gia đình đến thăm, ông đều từ chối không ra gặp, vì theo ông, ra gặp gia đình là nhận đặc ân của Cộng sản rồi. Tôi nói với ông gia đình đến thăm thân nhân ở tù cũng như người tù gặp mặt gia đình là một quyền mà luật pháp nước nào cũng phải công nhận, chứ không phải ân huệ của chính quyền. Nếu ông không ra thì gia đình sẽ lo lắng và buồn. Tuy nhiên ông vẫn không đổi ý kiến.

Còn một chuyện nữa ở Chí Hòa mà tôi không quên được. Trong một vụ án chính trị được xử ở tòa án thành phố, luật sư Cảnh ở Nha Trang đứng đầu vụ, sau ông là giáo sư Nguyễn Quốc Sùng và một anh bạn nữa tên Minh giữ vai trò chủ chốt. Tại phiên tòa, Luật sư Cảnh và hai vị này đã lên án mạnh mẽ chính quyền cộng sản, phân tích sâu sắc về chính trị chứng minh rằng Cộng sản đang xa lầy ở miền Nam và chắc chắn sẽ sụp đổ. Tôi được mấy anh cùng vụ kể lại một câu nói của giáo sư Nguyễn Quốc Sùng tại phiên Tòa: "Các anh buộc tội chúng tôi về tội phản cách mạng. Vậy phải định nghĩa cách mạng là gì đã. Định nghĩa giản dị thì cách mạng là phá bỏ cái cũ để xây dựng một cái mới tốt đẹp hơn. Nếu cái mới lại tồi hơn cái cũ thì không phải là cách mạng. Và các anh không phải là cách mạng và chúng tôi cũng không phạm tội phản cách mạng."

Tòa án Cộng sản đã kết án Luật sư Cảnh tử hình, các ông Sùng và Minh khổ sai chung thân. Hôm rời khu ED của chúng tôi để chuyển sang khu AB là khu tử hình, tôi vẫy tay chào ông Cảnh và chúc ông may mắn. Ông Cảnh tươi cười chào lại tôi và nói "Tạm biệt chứ không vĩnh biệt đâu". Một năm sau chúng tôi xử bắn ông. Tôi còn giữ mãi hình ảnh của ông với dáng cao gầy, đôi mắt sáng, vàng trán cao và nụ cười hiền hậu. Người trí thức anh hùng đó, hẳn là ở bên kia thế giới đã hài lòng vì lời tiên đoán chính trị của ông sắp thành hiện thực.

Năm 1986, Doãn Quốc Sỹ, Dương Hùng Cường, Lý Thụy Ý và cô nhỏ nhân viên Bưu điện (giữ nhiệm vụ chuyển tài liệu bài vở của chúng tôi ra nước ngoài và ngược lại) được đưa về trại Phan Đăng Lưu. Các anh Hiếu Chân, Hoàng Hải Thủy, Trần Ngọc Tụ và tôi ở lại Chí Hoà. Chúng tôi ở 3 phòng liền nhau ở Lầu 2 khu ED nên có thể gặp nhau và nói chuyện mỗi buổi sáng khi chúng tôi đi xách nước.

Tôi gặp anh Hiếu Chân lần đầu trong bữa ăn ở nhà Kiều Chinh, và trước khi bị bắt chỉ gặp anh vài ba lần, nhưng anh Hiếu Chân đã gây cho tôi những ấn tượng và tình cảm sâu sắc. Anh là một người cương trực, trung thực có kiến thức rộng và thường có những nhận xét cứng rắn trong đời sống. Thời gian ở Chí Hòa anh đã già yếu và thường bị cao huyết áp. Anh hơi bi quan vì gia đình gặp nhiều khó khăn và nhất là anh nghĩ rằng mình không còn được gặp lại gia đình nữa. Anh kể lần bị bắt, đưa cháu ngoại mấy tuổi cứ bám lấy anh khóc. Anh dỗ cháu là ông ngoại đi mấy ngày rồi về.

Thằng nhỏ càng khóc lớn lên, bảo ông ngoại không về nữa đâu. Anh bị ám ảnh về chuyện đó và mùa Xuân năm 1985 anh gửi tặng tôi bài thơ dịch "Ngao ca" của Đào Tiềm (hay Bạch Cư Dị tôi

cũng không nhớ vì tôi rất dốt về văn học Trung quốc) mà anh dịch là "Hát ngao". Tôi không biết rõ nguyên tác, nhưng trong bản dịch đã thấy nói nhiều về cái chết. Một lần tôi hỏi thăm anh về bệnh cao huyết áp. Anh trả lời hóm hỉnh mà cũng là chua xót: "Hôm nào có thăm nuôi thì đỡ". Trần Ngọc Tụ và tôi đã chia sẻ với anh những khó khăn trong thời gian sống cùng với anh ở Chí Hòa.

Giữa năm 1986, một buổi tối. đang ngồi kể chuyện Thủy Hử cho cả phòng giam nghe thì anh té xuống bất tỉnh, được chở đi bệnh xá. Trưa hôm sau, đang ăn cơm tôi nghe tin anh từ trần. Tôi buông bát, nước mắt ứa ra, rồi tôi bật khóc như một đứa trẻ. Tôi thương anh suốt một đời lận đận, đến cuối đời thì lại vào tù, chết đi chẳng được gặp mặt người thân. Nhưng lòng tôi cũng được an ủi là anh đã có được một cái chết nhanh chóng, nhẹ nhàng vì anh đã được giải thoát khỏi cái thế giới ti tiện đầy hận thù này.

Năm 1988 được trả tự do, Trần Ngọc Tụ và tôi có đến ăn giỗ anh. Nhưng rồi bị cuốn hút vào các nợ áo cơm, chúng tôi không còn đến dự các giỗ sau nữa.

Tôi có hai điều ân hận:

1. Đã không đến thấp nén hương trước bàn thờ anh trước khi ra đi.
2. Bài thơ dịch anh tặng tôi, tôi đã cho một nhà văn mượn và anh đã để thất lạc.

Trong số các anh em cùng vụ, Dương Hùng Cường quen với tôi lâu nhất, từ khi còn đi học ở Hà Nội, và cùng ở trong một đội bóng chuyền (có cả ca sĩ Vũ Huyền) thường hay được thuê về tranh giải trong các secteur của quân đội Pháp ở Nam Định, Hưng Yên. Vào Nam, vợ Cường lại học chung với vợ tôi ở trường Sư Phạm, và khi chúng tôi đi cải tạo ở Long Giao thì hai bà vợ bao giờ cũng cùng đi thăm nuôi nên sau khi đi cải tạo về, chúng tôi thường hay gặp nhau. Sau năm 1975, có hai điều mà tôi nhớ rõ về Cường:

- Anh uống rượu rất nhiều.

Mỗi lần anh đến chơi, tôi phải mua mấy "xị" rượu thuốc cho anh uống. Uống xong anh say bí tỉ và hai bố con tôi lại phải khênh anh ra xích lô đưa về nhà. Lần nào cũng phải thay xích lô 3, 4 lần vì anh cứ tụt xuống đòi đi bộ. Về sau tôi hạn chế xuống tối đa hai xị thì anh giận bỏ ra quán cóc của anh Vũ Đức Duy (kịch sĩ) uống ghi sô, nhấn tôi trả tiền.

Giam gần với anh ở trại Phan Đăng Lưu (anh ở biệt giam 14, tôi ở biệt giam 18), tôi thấy anh rất thích hát, hát khá hay và đặc biệt anh thuộc rất nhiều bài hát. Trong đời tôi chưa thấy ai thuộc nhiều bài hát bằng anh.

Tháng 1-1988, tối hôm trước anh còn thực hiện một chương trình hát theo yêu cầu thi sáng hôm sau khoảng 6 giờ bọn công an đi điếm danh đã thấy anh chêt cứng ở trong phòng giam. Thi thể anh được chở sang bệnh viện Chí Hòa để khám nghiệm, nhưng tôi không biết họ kết luận nguyên nhân cái chết như thế nào. Tháng 3-1988 con gái lớn của anh vượt biên bị mất tích. Hơn một năm sau, chị Cường chết trong một tai nạn xe hơi để lại 5 đứa con lúc đó đứa lớn nhất mới 22 tuổi, đứa nhỏ nhất 10 tuổi. Hiện các cháu đang phải tự lực nuôi nhau. Nhân dịp này tôi kêu gọi

Hội Ái hữu Không quân, hội Văn Bút, các hiệp hội văn hóa, các bạn bè, thân hữu và độc giả của anh Cường hãy giúp đỡ các cháu, coi các cháu là quốc gia nghĩa tử, giúp các cháu sinh sống và ăn học. Địa chỉ của các cháu con anh Cường: Dương Mạc Linh 58 Thiên Phước, Quận Tân Bình, Saigon.

Trong vụ của tôi, có một người mà tôi rất cảm mến là anh Doãn Quốc Sỹ. Tôi đọc anh Doãn Quốc Sỹ khá nhiều, nhưng chỉ sau 1975, qua Nguyễn Đình Toàn tôi mới quen biết anh. Tôi thấy anh là một người đôn hậu, giản dị, chịu ảnh hưởng nhiều của tư tưởng Thiên. Ở gần anh ta có một cảm giác an tâm và tin tưởng rằng anh chỉ làm điều tốt lành cho mọi người. Tôi chưa bao giờ thấy anh nói một điều không tốt về người khác. Điểm nổi bật ở anh là tinh thần lạc quan cao độ. Trong hoàn cảnh nào anh cũng lạc quan. Anh Tạ Tỵ đã gọi anh là người lạc quan nhất nước. Một lần trong một buổi hỏi cung, viên Trung tá Công an ca tụng anh là một người trí thức thực sự, dám làm, dám nhận. Viên Trung tá có đọc cho tôi một lời khai của anh như sau: *"Tôi là một nhà văn. Một nhà văn nếu không viết văn thì không còn là một nhà văn nữa. Tôi không thể viết theo quan điểm của các anh và tôi phải viết theo quan điểm của tôi."*

Tôi cười nói với viên trung tá rằng tôi tin câu nói vừa rồi đúng là của anh Sỹ. Tôi bảo anh ta muốn hỏi gì thì cứ hỏi, khỏi cần khích tướng nữa. Trước khi bị bắt, anh Sỹ đã có xuất cảnh sang Úc, đoàn tụ với con gái, đã được phỏng vấn và chờ ngày lên đường. Hiện anh xin chuyển cảnh sang Mỹ đoàn tụ với con trai hiện đang ở Houston. Mong anh sớm được tái ngộ với bạn bè vẫn hằng quý mến anh.

Đối với anh Hoàng Hải Thủy, tôi có một kỷ niệm vui và đồng thời là một thắc mắc mà đến ngày hôm nay tôi vẫn chưa được sáng tỏ. Trước 1975, tôi và anh Thủy chỉ biết nhau và chưa gặp nhau bao giờ. Năm 1981, tôi ở tù về. Anh Thủy nhờ Dương Hùng Cường mời tôi lại ăn cơm. Đúng giờ tôi tới, anh Thủy đi vắng để lại mấy chữ cho tôi trên cái bảng đen, nội dung đại khái như sau: *"Maître Chanteur. Moi xin lỗi có việc bận gấp. Sẽ về nhà vào khoảng 7h"*. Tôi ngạc nhiên suy nghĩ. Tôi là ca sĩ nên anh dùng chữ Chanteur thì đúng rồi. Anh dùng chữ Maître thì cũng hiểu được vì tôi là Luật sư và trong tiếng Pháp ta xưng hô với Luật sư là Maître. Nhưng hai chữ Maître Chanteur đi với nhau thì nghĩa lại là một tên bịp bợm, tổng tiền. Vậy thì hoặc là anh xỏ tôi (vô lý vì lần đầu tôi gặp anh và anh làm vệt đái tôi) hoặc là anh không rành tiếng Pháp (cũng vô lý vì anh chuyên dịch tiểu thuyết và trước kia anh làm thông ngôn cho quân đội Pháp). Hoặc là anh muốn thử xem tôi có biết tiếng Pháp hay không. Thấy tôi không phản ứng, có thể anh nghĩ tôi không biết tiếng Pháp.

Trọng Kim: Trong vụ án mà Việt Cộng gọi là xử "biệt kích văn hóa" trên, anh là nhân chứng sống của tòa án Cộng sản. Với tư cách là một luật sư, anh cho biết ý kiến của anh về hệ thống pháp luật mà cộng sản Việt Nam áp dụng để triệt hạ những người mà họ cho là có mầm mống chống đối lại họ.

Duy Trác: Trở về vụ án của chúng tôi. Suốt từ đầu tới cuối là một thủ tục tư pháp tùy tiện, bất chấp luật pháp. Ngày 20-10-86 chúng tôi nhận được bản cáo trạng ký ngày 18-1-85 truy tố chúng tôi về hai tội gián điệp và tuyên truyền phản cách mạng, chiếu theo bộ hình luật được ban hành ngày 1-1-1986. Phiên tòa được ấn định vào ngày 30-10-86. Anh Hiếu Chân chết từ tháng 4-1986 mà đến tháng 10-86 Viện kiểm sát và Tòa án vẫn không biết, vẫn tổng đạt cáo trạng. Điều đó

chứng tỏ Sở Công an (trại giam Chí Hòa do phòng PC 25 sở Công an quản lý không báo cáo cái chết của anh Hiếu Chân).

Các hành vi bị truy tố của chúng tôi xảy ra vào các năm 82, 83 còn bộ Luật hình sự được ban hành vào tháng 1 năm 1986. Vậy mà họ vẫn truy tố theo Bộ luật hình sự mặc dù điều 8 của bộ Luật này qui định nguyên tắc bất hồi tố, tức đạo luật chỉ áp dụng đối với các vi phạm xảy ra sau ngày ban hành luật mà thôi. Đến ngày xử, Tòa đóng cửa im im.

Tháng 12-86 họ lại tổng đạt cho chúng tôi bản cáo trạng khác, cũng ký ngày 18-1-86, trong đó có hai điểm mới: đình chỉ truy tố đối với anh Hiếu Chân và truyền đưa nhà văn Vũ Bằng về địa phương quản lý giáo dục. Đến đây tôi được chứng kiến một trò ảo thuật vĩ đại của nền Tư pháp cộng sản: Bản cáo trạng đã giải quyết về cái chết của anh Hiếu Chân từ năm 1985 trong khi anh chết sau đó hơn một năm, tức tháng 4-86. Tóm lại cơ quan Tư pháp đã khai tử một người đang còn sống. Trường hợp nhà văn Vũ Bằng thì ngược lại. Trò ảo thuật lên đến cao trào. Cụ Vũ Bằng chết vào tháng 2-84 mà bản cáo trạng ký vào tháng 1-1985 lại quyết định đưa Cụ về địa phương quản lý giáo dục. Cụ đã được phục sinh. Người ta định cướp quyền tạo hóa hay người ta nghĩ rằng bên kia thế giới cũng có Ủy ban Nhân dân.

Đến tháng 4-88 chúng tôi nhận được bản cáo trạng thứ 3, đúng ra thì chúng tôi chỉ được đọc cho nghe bản cáo trạng chứ không được cấp bản sao nên không rõ kỳ này bản cáo trạng đề ngày mấy. Họ đã bỏ tội gián điệp. Lần này lại có một trò ảo thuật nhỏ nữa: Bản cáo trạng ghi rằng tôi nhìn nhận tội. Tôi rất ngạc nhiên và trước Tòa tôi đã chất vấn Tòa và Viện Kiểm Soát yêu cầu họ xuất trình bản cung nào của tôi có sự nhận tội thì họ không trả lời.

Ngoài giấy mời dự phiên tòa đầu tiên vào ngày 30-10-86, gia đình tôi còn nhận được hai giấy mời dự phiên tòa vào tháng 9 và 12 năm 1987, nhưng khi đến nơi thì cổng tòa đóng im im, không một lời giải thích trong khi ở trong tù chúng tôi không hề hay biết gì cả.

Ngày 27-4-88 phiên Tòa chính thức được mở. Trước đó Luật sư Triệu Quốc Mạnh (nguyên là phó biện lý Tòa sơ thẩm Gia Định, được Tổng thống Trần Văn Hương bổ nhiệm làm giám đốc Cảnh sát Đô thành) được chỉ định biện hộ đã vào Chí Hòa thăm chúng tôi cho biết lãnh đạo thành phố muốn giải quyết êm thấm vụ này, đề nghị chúng tôi đừng "nổ" trong phiên Tòa. Chúng tôi chấp nhận đề nghị với hai điều kiện:

- Phải để chúng tôi sử dụng quyền biện hộ.
- Và Viện Kiểm Soát không được dùng các lời lẽ miệt thị.

Trong phiên tòa này họ đã giữ lời hứa. Viện Kiểm Soát từ đầu đến cuối không hỏi một câu và Tòa để cho chúng tôi tự biện hộ đầy đủ. Nhìn xuống dưới tôi thấy toàn là gia đình và bạn bè. Chỉ có hai người lạ, một người là nhà văn nằm vùng Cung Tích Biền.

Hoàng Hải Thủy mở đầu bằng câu "Đứng trước tòa hôm nay chỉ có 6 anh em chúng tôi nhưng xin Tòa ghi nhớ rằng còn có hai người bạn của chúng tôi chết ở trong ngục, hai anh Hiếu Chân, Dương Hùng Cường cũng hiện diện ở đây". Tôi nêu vấn đề chiến dịch báo chí đã vi phạm quyền biện hộ của chúng tôi, vi phạm bộ luật hình sự và bộ hình sự tố tụng, cũng như vi phạm quyền

xét xử của Tòa Án trong mục trên gây áp lực với Tòa. Dân chúng ngồi ở dưới mỗi lần nghe lời phát biểu của chúng tôi đều vỗ tay rất lâu khiến có cảm tưởng một bên là Tòa án và bên kia là dân chúng và các bị can.

Khi đi vào cuộc thẩm vấn nội dung, chánh án hỏi anh Thủy "trong tác phẩm của anh có nhắc đến câu "tiền giao, cháo múc" vậy ý anh định nói gì. Anh Thủy trả lời "Tôi nghe ông Marx, ông Lênine nói rằng ở dưới chế độ tư bản, con người bị tha hóa, chỉ nghĩ đến tiền. Tiền giao thì cháo mới múc. Nhưng tôi thấy dưới chế độ ta nhiều khi tiền giao mà cháo còn không múc nữa."

Anh Doãn Quốc Sỹ thì lập luận rằng nhà nước có nhiều chính sách sai lầm, với tư cách một công dân và nhất là tư cách một nhà văn anh phải nêu lên để nhà nước sửa chữa. Vì không thể đăng ở trong nước, anh phải phổ biến ở nước ngoài.

Khi hỏi tôi về nội dung bài hát "*Lời nguyện trong tù*", tôi trả lời rằng tôi cầu nguyện cho gia đình, đất nước, dân tộc được ấm no hạnh phúc. Vậy mà tôi bị truy tố về tội tuyên truyền phản cách mạng thì tôi xin hỏi nhiệm vụ của cách mạng là gì? Phải chăng là không muốn cho gia đình đất nước, dân tộc được ấm no hạnh phúc. Họ đã không trả lời tôi.

Nói tóm lại trong phiên tòa, anh em chúng tôi đã chứng tỏ được nhân cách, đã nêu lên các quyền tự do tư tưởng, tự do phát biểu qui định ở trong hiến pháp của chính họ, và nêu lên cái trách nhiệm của những người làm văn học nghệ thuật trước những vấn đề sống còn của đất nước.

Trong lúc chờ tòa nghị án, các bạn bè, thân hữu bảo tôi "nghe ông nói xong tôi thấy ông chẳng có tội gì cả". Tôi cười trả lời "thực sự tôi có tội gì đâu."

Bản án phạt tôi 4 năm và tôi đã ở tù đúng thời hạn nên được trả tự do vào ngày 29-4-88.

NHỮNG ANH EM CÒN Ở LẠI

Trọng Kim: Mặc dù nhiều anh em trong giới văn nghệ và cầm bút đã sang đây nhiều trong năm qua nhưng còn nhiều anh em vẫn còn ở lại. Anh cho biết sơ qua về những ai vẫn còn ở Việt Nam và hiện cuộc sống của những anh em ấy ra sao?

Duy Trác: Về giới nhạc thi nhạc sĩ sáng tác tên tuổi trước năm 1975, tôi thấy không còn bao người.

- Nhạc sĩ Dương Thiệu Tước đã gần 80 tuổi, ông còn khỏe mạnh vẫn đi lại và dạy học được. Ông có nhiều con ở nước ngoài nên đời sống khá ổn định.

- Nhạc sĩ Lê Thương cũng đã già và yếu rồi. Ông vẫn ở căn nhà nhỏ ở đường Bùi Viện. Ông đang viết một bộ nhạc sử, không biết ông còn đủ sức để hoàn tất tác phẩm lớn này. Đầu năm 1992, một số thân hữu định tổ chức một đêm nhạc Lê Thương để lấy tiền giúp ông nhưng nhà nước đã không cho phép, mặc dù người ta đã cho tổ chức những đêm nhạc của những nhạc sĩ ít tên tuổi và thiếu tài năng hơn ông như Xuân Hồng, Phạm Trọng.

- Châu Kỳ sau một thời gian bị giam ở Chí Hòa về tội rượu vào lời ra nay về ở Tân Qui Đông tiếp tục uống rượu. Gần đây anh có viết một tác phẩm đăng trên một tờ báo nào đó nhưng nhạc phẩm này không được thành công.

Về cuộc sống, ở Saigon bây giờ chỉ có giới ca sĩ và họa sĩ là sống được. Tranh ở Việt Nam bán được và rất có giá.

. Vợ chồng Đăng Giao (con rể của nhà văn, nhà báo Chu Tử) chuyên về Sơn mài. Họ có khách ngoại quốc và Việt kiều nên cũng sống được.

- Choé vẽ cho nhiều tờ báo, gần đây mới xây nhà mới. Một vài bức hí họa của anh trên tờ Lao Động Chủ Nhật đã có nội dung chỉ trích Mỹ. Có sự chuyển hướng chẳng hay vẽ theo đơn đặt hàng?

Các nhà văn tên tuổi tương đối còn kẹt lại nhiều:

- Anh Doãn Quốc Sỹ sau khi được trả tự do năm 1991 đang chờ xuất cảnh đi Mỹ. Anh có mấy người con ở nước ngoài và các con anh ở trong nước đều có công ăn việc làm nên đời sống của anh tương đối dễ chịu. Gần đây anh đã đi du lịch nhiều nơi như Hà Nội, Huế, Đà Lạt. Anh còn sức khỏe và minh mẫn.

- Nguyễn Đình Toàn vẫn sống lây lất từ 75 đến giờ, Thị lực của hai mắt chỉ còn tổng cộng 4/20. Gần đây hai vợ chồng Toàn đang cố xoay vốn để sang một tiệm sách ở Thị Nghè. Toàn đã bị ODP từ chối phỏng vấn vì không đủ điều kiện.

- Phan Nhật Nam hiện đang Sống ở Củ Chi, đời sống khó khăn. Anh đang chờ đi theo diện H.O, hình như là H.O 19 hay 21. Có thể anh sẽ tới Mỹ vào cuối năm 1993.

- Thảo Trường mới về năm 1991. Vợ và các con anh đã có đời sống ổn định ở Mỹ. Anh sẽ đi theo diện R.D (dành cho những người cải tạo lâu năm).

- Dương Nghiễm Mậu Sống bằng nghề làm tranh sơn mài từ hơn mười năm nay. Nhưng nguồn lợi chính của gia đình anh chính là việc dạy học Anh văn của chị Mậu. Đến bây giờ người vẫn chưa biết đi xe đạp nên ít đi lại với bạn bè.

- Trần Phong Giao: Năm 1990 bị cháy nhà nhưng đã xây lại được nhà mới, to đẹp hơn. Thịnh thoảng anh có viết cho các tạp chí ở Saigon để kiếm tiền cà phê, thuốc lá.

- Hoàng Hải Thủy sau khi ở tù về đã có một tác phẩm cũ được tái bản. Anh cho biết sau này quay ra viết kiếm hiệp. Người chịu khó tập thể dục nên rất khỏe.

- Tú Kếu: là con rể ông chủ đồn điền trà nên sáng nào cũng ung dung uống cà phê cóc ở đường Bà Huyện Thanh Quan rồi về coi cửa hàng trà cho vợ.

- Về báo chí thì tôi thỉnh thoảng có gặp Thanh Thương Hoàng ở dưới Làng Báo Chí mỗi khi xuống thăm Nguyễn Đình Toàn. Hiện anh có nhiều bệnh và năm ngoái phải vào nhà thương nhiều lần.

Hồi bị giam ở Phan Đăng Lưu năm 1985, tôi có gặp Anh Quân (Tổng thư ký báo Quạt Cường) cũng bị giam ở đó. Sau này tôi không gặp lại.

***Trọng Kim:** Anh chị mới qua được hai tháng, các cháu đang sửa soạn để hội nhập vào cuộc sống mới, đi làm tạm, đi học lại... Còn anh thì sao?*

Duy Trác: Tôi đang sửa soạn để cho ra mắt cuốn băng đầu tiên ở hải ngoại, chủ đề "*Còn Tiếng Hát Gửi Người*". Đó là bài tôi sáng tác ở trong nước khoảng năm 1990 khi biết mình chắc chắn sẽ được đi. Cuốn băng gồm một hai bài mới còn lại là các bản tình ca cũ được mọi người ưa thích qua giọng hát của tôi thuở trước. Tôi định giữa tháng 11 sẽ sang California để thu băng và sau đó cuốn băng sẽ ra mắt trong tương lai gần.

Sau cuốn băng, có lẽ tôi sẽ đi chu du một chuyến theo lời yêu cầu của các anh em khắp nơi yêu mến tổ chức để có dịp gặp lại nhau, có thể là qua California, Canada, thủ đô Hoa Thịnh Đốn và vài tiểu bang miền Đông. Đi một chuyến về, lúc đó sẽ tính chuyện lâu dài.

Trọng Kim

(Houston, 25-10-1992)

<https://amnhac.fm/duy-trac/6537-noi-chuyen-voi-duy-trac-nhung-ngay-thang-o-lai>